

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/KDTM-ST

Ngày 17/5/2019

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Thanh Trà

- Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiêu, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 66/2018/TLST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần T.

Địa chỉ: đường A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Q; địa chỉ: đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

(Giấy ủy quyền lập ngày 30 tháng 3 năm 2019)

2. *Bị đơn*: Công ty cổ phần C.

Địa chỉ: đường Đ, phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1987; Địa chỉ: đường L, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

- Bà Lê Thị E, sinh năm 1982.

Địa chỉ: đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngày 15/12/2018, công ty cổ phần T và công ty cổ phần C có ký hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD về việc công ty cổ phần T tham gia góp vốn vào trường mầm non H – cơ sở đường V, phường X, quận Y, thành phố Đà Nẵng do công ty cổ phần C làm chủ đầu tư. Số tiền góp vốn là 20.000.000.000 đồng. Công ty cổ phần T đã chuyển vào tài khoản của công ty cổ phần C số tiền trên. Cụ thể, ngày 16/12/2016, chuyển số tiền 6.000.000.000 đồng; ngày 06/01/2017 chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng; ngày 24/01/2017 chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng; ngày 13/3/2017 chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do có thay đổi về định hướng kinh doanh nên giữa hai công ty đã thỏa thuận điều chỉnh nội dung hợp đồng từ hợp tác kinh doanh sang hợp đồng vay tài sản. Thỏa thuận được giao kết bằng phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/3/2017. Theo đó, công ty cổ phần T cho công ty cổ phần C vay số tiền 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 1,5 năm kể từ 01/01/2017, lãi suất vay 6%/năm, được trả vào cuối quý theo số dư giảm dần. Tiền lãi được tính theo công thức $\text{Tiền lãi} = \text{số tiền gốc} \times \text{số ngày nhận nợ thực tế} \times \text{lãi suất} / 360$. Trường hợp thanh toán trễ hạn lãi suất được tính bằng 150% mức lãi suất trên. Phương thức trả nợ: nợ gốc được trả vào cuối mỗi quý, mỗi quý trả 5.000.000.000 đồng bắt đầu từ quý 3 năm 2017. Thời gian tính lãi vay bắt đầu từ ngày 01/01/2017.

Tuy nhiên, sau đó công ty cổ phần C không thực hiện đúng các thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi. Từ tháng 8/2017 đến tháng 10/2017 công ty cổ phần C đã trả cho công ty cổ phần T tổng số nợ lãi 828.333.333 đồng, sau đó không thanh toán khoản tiền nào nữa. Tính đến ngày 30/6/2018 công ty cổ phần C còn nợ công ty cổ phần T tổng cộng 20.910.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 20.000.000.000 đồng và tiền lãi là 910.000.000 đồng. Tuy nhiên, công ty cổ phần T chỉ yêu cầu Tòa án buộc công ty cổ phần T trả và đào tạo Bầu Trời Cao trả số tiền 20.906.666.667 đồng làm một lần theo đúng như yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập công ty cổ phần C để tham gia hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị S trình bày: Bà S thừa nhận bà là người thay mặt công ty cổ phần C trực tiếp ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày

15/12/2016 về việc góp vốn kinh doanh và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/3/2017 về việc thay đổi nội dung góp vốn thành cho vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh với công ty cổ phần T. Thời điểm ký kết các hợp đồng trên, bà S là chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần C, và được ủy quyền để tham gia giao kết các hợp đồng. Hiện nay, bà S không còn là chủ tịch hội đồng quản trị và đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình cho ông Lê M, ông M tiếp tục chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Tấn L. Quá trình chuyển nhượng cổ phần, các bên đều đã được thông báo về tình hình tài chính của công ty. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà S đồng ý xác định trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đúng. Hiện nay công ty cổ phần C còn nợ công ty cổ phần T số tiền gốc 20.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/6/2018 là 20.910.000.000 đồng.

Tại văn bản ngày 11/3/2019, bà Lê Thị E trình bày: Vào các thời điểm ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTDK ngày 15/12/2016 về việc góp vốn kinh doanh và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/3/2017 về việc thay đổi nội dung góp vốn thành cho vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh bà E là người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần C, chức vụ giám đốc. Bà E có ủy quyền cho bà S, là chủ tịch hội đồng quản trị của công ty thay mặt bà E ký kết các hợp đồng nói trên. Thực hiện hợp đồng, công ty cổ phần T có chuyển vào tài khoản của công ty cổ phần C tổng số tiền 20.000.000.000 đồng. Việc chuyển tiền diễn ra 4 lần từ ngày 16/12/2016 đến ngày 13/3/2017. Số tiền này sau đó đã được sử dụng vào mục đích kinh doanh của công ty. Đối với yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần T bà E không có ý kiến.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc công ty cổ phần C trả số tiền 20.906.666.667 đồng làm một lần là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn là công ty cổ phần C có trụ sở tại đường O, phường M, quận H, thành phố Đà Nẵng, do đó tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt những người nói trên.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 20.906.666.667 đồng thì thấy: Ngày 15/12/2018, công ty cổ phần T và công ty cổ phần C có ký hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD, ngày 14/3/2017 hai bên tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ thỏa thuận thay đổi nội dung góp vốn thành cho vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh, hợp đồng được lập thành văn bản, có xác nhận bằng con dấu của cả hai pháp nhân. Người trực tiếp ký kết hợp đồng phía công ty cổ phần T là bà Đoàn Thị Ng được ủy quyền hợp lệ, phía công ty cổ phần C là bà Lê Thị S. Bà S là chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty, theo quy định tại Điều lệ công ty bà không phải là đại diện theo pháp luật của công ty, không có thẩm quyền trực tiếp tham gia điều hành kinh doanh. Tuy nhiên, bà Lê Thị E là người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần C vào thời điểm ký kết các hợp đồng nói trên đã xác định bà E có ủy quyền cho bà S trực tiếp tham gia thỏa thuận và ký các hợp đồng. Trên thực tế, kết quả xác minh tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh chợ Mới – Đà Nẵng xác định được nguyên đơn đã chuyển vào tài khoản của bị đơn tổng số tiền 20.000.000.000 đồng. Cụ thể, vào ngày 16/12/2016 chuyển số tiền 6.000.000.000 đồng, ngày 06/01/2017 chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng, ngày 24/01/2017 chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng, ngày 13/3/2017 chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng.

Do bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán nợ gốc và lãi, nguyên đơn đã gửi thư nhắc nợ đối với bị đơn. Phía bị đơn cũng đã trả lời bằng nhiều văn bản về việc cam kết trả nợ. Tại công văn số 10/2018/CV0BTC ngày 08/5/2018 gửi đến nguyên đơn, bị đơn xác định chỉ thanh toán tiền lãi trước cho nguyên đơn, nợ gốc cam kết bắt đầu thanh toán từ tháng 6/2018.

Do đó, HĐXX nhận thấy trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc vay vốn giữa hai công ty và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc 20.000.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính đến ngày 30/6/2018 với số tiền là 906.666.667 đồng. Theo thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/3/2017, lãi suất vay 6%/năm, được trả vào cuối quý theo số dư giảm dần. Tiền lãi được tính theo công thức = số tiền gốc x số ngày nhận nợ thực tế x lãi suất/360. Trường hợp thanh toán trễ hạn lãi suất được tính bằng 150% mức lãi suất trên. Theo đó, tổng nợ lãi phát sinh trên số tiền thực tế nhận nợ được tính đến ngày 30/6/2017 như sau:

Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017: $6.000.000.000 \text{ đồng} \times 181 \text{ ngày} \times 6\%/360 = 181.000.000 \text{ đồng}$.

Từ 06/01/2017 đến 30/6/2017: $4.000.000.000 \text{ đồng} \times 176 \text{ ngày} \times 6\%/360 = 117.333.333 \text{ đồng}$.

Từ 24/01/2017 đến 30/6/2017: $5.000.000.000 \text{ đồng} \times 158 \text{ ngày} \times 6\%/360 = 131.666.667 \text{ đồng}$.

Từ 13/3/2017 đến 30/6/2017: $5.000.000.000 \text{ đồng} \times 110 \text{ ngày} \times 6\%/360 = 91.666.667 \text{ đồng}$.

Như vậy, tính đến 30/6/2017, nợ lãi phát sinh là 521.666.667 đồng. Bị đơn đã trả số tiền lãi này cho nguyên đơn vào ngày 08/8/2017.

Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017, tiền lãi như sau: $20.000.000.000 \text{ đồng} \times 92 \text{ ngày} \times 6\%/360 = 306.666.667 \text{ đồng}$. Bị đơn đã trả số tiền lãi này cho nguyên đơn vào ngày 02/10/2017.

Từ 01/10/2017 đến 30/6/2018, tiền lãi như sau: $20.000.000.000 \text{ đồng} \times 273 \text{ ngày} \times 6\%/360 = 910.000.000 \text{ đồng}$. Bị đơn chưa trả lãi. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 906.666.667 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi là phù hợp với thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng và không vi phạm quy định của pháp luật về lãi suất, cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã được Tòa án gửi các thông báo thụ lý, thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 14/3/2017, và được quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn về việc trả số tiền nợ gốc 20.000.000.000 đồng và nợ lãi 906.666.667 đồng cần được chấp nhận.

[4] Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm 128.907.000đ bị đơn là công ty cổ phần C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần T đối với công ty cổ phần C.

Xử:

1. Buộc công ty cổ phần C phải trả cho công ty cổ phần T số tiền 20.906.666.667 đồng làm một lần. (Trong đó nợ gốc là 20.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/6/2018 là 906.666.667 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: 128.907.000đ (Một trăm hai mươi tám triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng) công ty cổ phần C phải chịu. Hoàn trả cho công ty cổ phần T 64.453.000đ (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí KDTM đã nộp theo biên lai thu số 3730 ngày 06/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thủy